

PHÒNG KHÁM ĐA KHOA 115 Y DƯỢC

Địa chỉ: D1/3 Nguyễn Thị Tú, Ấp 46, Xã Tân Vĩnh Lộc, TP.HCM

Mã số thuế: 0309262434

Điện thoại: 0283 6228115 Fax:

DANH SÁCH BẢNG GIÁ THUỐC GPP

STT	Nhóm thuốc	Thuốc	ĐVT	Giá GPP
1	25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP	A.T Ambroxol 30mg/5ml	Ống	2,537
2	Giảm đau, hạ sốt	A.T Ibuprofen 5ml	Gói	1,360
3	2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	A.T Ibuprofen Syrup 5ml	Ống	2,850
4	27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN	Abriticotis	Viên	5,985
5	Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu	Acenocoumarol	Viên	3,246
6	26.2. Thuốc tiêm truyền	Adrenalin	Ống	4,200
7	Thuốc điều trị loãng xương	Alendro-D	Viên	42,000
8	Kháng viêm	alphachymotrypsin éloge	Viên	2,625
9	Không xác định	ALZENTAL	Viên	4,410
10	17. THUỐC ĐƯỜNG TIỂU HÓA	AMIHOME TABLET	Viên	4,200
11	24.3. Thuốc chống rối loạn tâm thần	Amitriptylin	Viên	1,610
12	Kháng sinh	Amoxicillin	Viên	740
13	Thuốc huyết áp	APITIM 5	Viên	926
14	12.6. Thuốc chống huyết khối	Aspirin stella	Viên	375
15	17.3. Thuốc chống co thắt	ATITHIOS INJ 20mg/1ml	Ống	8,600
16	2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	ATOCIB 60mg	Viên	3,308
17	Thuốc chống co thắt	Atropin sulfat	Ống	672
18	Thuốc nhóm beta-lactam	Augmentin	Gói	13,403
19	Kháng sinh	Augmentin	Gói	19,110
20	Kháng sinh	Augmentin 1g	Viên	22,200
21	Dạ dày	Babismo 262	Viên	3,990
22	Dung dịch vệ sinh phụ nữ	BETADINE VAGINAL PK 125ml	Chai	58,485
23	Rối loạn chức năng tiền đình, hoa mắt, chóng mặt	BETAGEN 24	Viên	3,043
24	Thuốc tim mạch	Betaloc Zok	Viên	6,674
25	Thuốc nhóm quinolon	Bloci	Viên	0
26	Thuốc nhóm quinolon	Bloci	Viên	11,445
27	Thuốc chống dị ứng và dùng trong các trường hợp quá mẫn	BLUECEZINE 10	Viên	4,410
28	27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN	Bocalex C	Viên	1,985
29	13. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU	Bôi da MedSkin FUSI 10g	Tuýp	27,563
30	Dùng ngoài	Bôi da Vedanal Fort 10g	Tuýp	48,177
31	Thuốc đặt âm đạo	Bosgyno plus	Viên Đặt	4,557
32	Thuốc chống co thắt	Buscopan	Viên	1,394
33	TÂN DƯỢC	Calci Clorid Inj.	Ống	1,544
34	6.4. Thuốc chống nấm	Candid-V6	Viên Đặt	4,725
35	12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp	Captopril Stella	Viên	510
36	Thuốc tác động lên thần kinh	Cavinton Vinpocetin	Viên	3,696
37	Thuốc nhóm beta-lactam	Ceftrione 1g	Lọ	12,621

38	2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP	CEGARIC 80	Viên	12,320
39	2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP	Celosti	Viên	2,646
40	Kháng sinh	Celosti 200	Viên	3,038
41	26.2. Thuốc tiêm truyền	Cevita 500mg/5ml	Ống	2,367
42	25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP	Cidetuss	Viên	1,455
43	Thuốc nhóm quinolon	CIFGA 500	Viên	1,257
44	Thuốc khác	Cinnarizin	Viên	371
45	21.1. Thuốc điều trị bệnh mắt	Ciprofloxacin	Chai/lọ	4,725
46	Kháng sinh	Civell infusion ciprofloxacin 100ml	Chai	58,485
47	Thuốc nhóm macrolid	Clabact 500	Viên	6,505
48	3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DỪNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MẮN	Clanoz H/100	Viên	735
49	Thuốc chống đau thắt ngực	Clopidogel-VK	Viên	2,205
50	12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp	Colosar-Denk 50/12.5	Viên	6,667
51	Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	Combivent	Ống	17,504
52	17. THUỐC ĐƯỜNG TIỂU HÓA	Companity 15ml	Gói	5,880
53	21.2. Thuốc tai- mũi- họng	Cồn boric 10ml	Chai	7,707
54	27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN	Davita Bone	Viên Sủi	2,333
55	26.2. Thuốc tiêm truyền	Degas Ondansetron 8mg/4ml	Ống	15,783
56	3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DỪNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MẮN	Deslomeyer	Ống	5,250
57	9. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐƯỜNG TIẾT NIỆU	Desmodin Kim tiền thảo	Viên	788
58	Tiêm truyền	Dexamethasone 1ml	Ống	1,075
59	Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	Diamicron MR	Viên	3,731
60	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	Diclofenac DHG	Viên	232
61	Thuốc tim mạch	Digoxcin	Viên	756
62	Thuốc giãn mạch	DILODIN DHG	Viên	2,426
63	Thuốc chống đau thắt ngực	Diltiazem 60	Viên	1,365
64	TÂN DƯỢC	Dimedrol 10mg/1ml	Ống	942
65	26.2. Thuốc tiêm truyền	DIPROSPAN INJ	Ống	79,006
66	Không xác định	Distocide	Viên	8,925
67	17. THUỐC ĐƯỜNG TIỂU HÓA	Dizzo Airx 15ml	Chai	20,370
68	Thuốc nhóm tetracyclin	Doxycyclin	Viên	807
69	Thuốc tác động lên thần kinh	Drexler	Viên	2,316
70	18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT	Duphaston	Viên	11,365
71	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	Efferalgan	Viên Sủi	3,129
72	Giảm đau, hạ sốt	Efferalgan 150- VIÊN ĐẶT	Viên Đặt	2,901
73	Giảm đau, hạ sốt	Efferalgan 300- VIÊN ĐẶT	Viên Đặt	3,181
74	Giảm đau, hạ sốt	Efferalgan 80- VIÊN ĐẶT	Viên Đặt	2,205
75	Thuốc tiêm truyền	Elitan 10mg/2ml	Ống	18,903
76	17. THUỐC ĐƯỜNG TIỂU HÓA	Entopride	Viên	4,095

77	17.1. Thuốc kháng acid và các thuốc chống loét khác tác dụng trên đường tiêu hóa	Esogas	Ống	42,000
78	Thuốc đường tiêu hóa	Esotrax	Viên	4,620
79	Thuốc chống co thắt	Expas Forte 80	Viên	992
80	Thuốc khác .	Fatodin 40	Viên	817
81	27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN	FELNOSAT	Viên	5,775
82	12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp	Felodipin 5mg	Viên	1,511
83	6.4. Thuốc chống nấm	Fluconazol	Viên	10,111
84	Thuốc tai-mũi-họng	FOSMITIC	Chai	47,250
85	25.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	Franlucat	Viên	7,875
86	25.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	Franlucat 4mg	Viên	3,360
87	TẦN DƯỢC	Furosemid 40 mg	Viên	512
88	17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA	gaviscon Suppension	Gói	6,620
89	Không xác định	Gel Papilocare Vaginal	Tuýp	87,815
90	TẦN DƯỢC	Gentamicin	Ống	1,925
91	Không xác định	GENTRISONE	Tuýp	14,145
92	Rối loạn chức năng tiền đình, hoa mắt, chóng mặt	Ginkokup 120	Viên	5,040
93	18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	Glafofin	Viên	4,918
94	Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	Glucophage	Viên	1,930
95	18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	Glucophage	Viên	4,156
96	Không xác định	GLUCOSE 30%/ 250ml	Chai	14,805
97	Thuốc tiêm truyền	Glucose 5% 250ml	Chai	7,823
98	TẦN DƯỢC	Glucose 5% 500ml	Chai	8,820
99	20. THUỐC GIÃN CƠ VÀ TĂNG TRƯỞNG LỰC CƠ	GORED	Viên	3,549
100	Thuốc phụ khoa	Gynoflor Medinova	Viên Đặt	30,022
101	Kháng sinh	Hafixime	Viên	9,923
102	Kháng sinh	Hagimox	Viên	1,654
103	TẦN DƯỢC	Hapacol 80	Gói	1,323
104	2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	Hapacol Blue	Viên	422
105	Giảm đau, hạ sốt	HAPACOL CS DAY	Viên	882
106	Thuốc tác dụng hệ thần kinh	Hasancob	Viên	834
107	17.5. Thuốc điều trị tiêu chảy	Hasec 30	Gói	3,308
108	GAN-MẬT	HEPALYRIN	Viên	6,300
109	25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP	Hexinvon 8	Viên	435
110	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	Ibuprofen 200	Viên	479
111	Thuốc chống đau thắt ngực	Imdur	Viên	3,409
112	6.4. Thuốc chống nấm	Itranstad 100mg	Viên	7,864
113	12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp	Ivadin 5	Viên	3,622
114	21.1. Thuốc điều trị bệnh mắt	IVIS TOBRAMYCIN	Chai/lọ	24,255
115	Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	Janumet 50/1000	Viên	11,370
116	18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	Jardiance 25	Viên	27,860
117	Thuốc khác	K.Y.	Tuýp	74,130
118	Không xác định	Kali Clorid (j)	Ống	3,465
119	Không xác định	Kali Clorid (VIÊN)	Viên	893
120	17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA	Kanausin	Viên	231
121	Thuốc nhóm beta-lactam	Klamenti 1g	Viên	4,935
122	Thuốc nhóm beta-lactam	Klamenti 250/31.25	Gói	6,284

123	Kháng sinh	Klamenti 500mg/62.5mg	Gói	10,474
124	26.2. Thuốc tiêm truyền	Lactated Ringer and Dextrose	Chai	13,124
125	Kháng sinh	LevoDHG 750	Viên	8,820
126	Không xác định	Lidocain	Ống	840
127	THUỐC GÂY TÊ, MÊ	Lignospan Standard	Ống	20,895
128	Thuốc huyết áp	LIPCOR 50	Viên	2,646
129	Thuốc hạ lipid máu	Lipidorox	Viên	7,350
130	Thuốc hạ lipid máu	Lipitor	Viên	16,738
131	Thuốc tiêm truyền	Lipofundin mct/lct 20% b.braun	Chai	188,535
132	Thuốc hạ lipid máu	Lipvar 20	Viên	2,905
133	Thuốc hạ lipid máu	Lisazin 20	Viên	3,150
134	GAN-MẬT	Livolin-H	Viên	2,374
135	18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	MACTAPRO 10/5	Viên	18,900
136	27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN	Magne-B6 Corbiere	Viên	2,184
137	Không xác định	Magnesi Sulfat (j)	Ống	4,095
138	Thuốc ngừa thai	Marvelon(xanh)	Vì	80,920
139	2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP	MAZU	Viên	5,985
140	2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP	Mebilax 7,5	Viên	992
141	Kháng viêm steroid	Medlon 4	Viên	981
142	Kháng viêm steroid	Medlon H/100	Viên	3,671
143	13. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH DA LIỄU	Medskin Acyclovir	Tuýp	18,743
144	12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp	Methyldopa	Viên	1,615
145	TẢN DƯỢC	Metoclopramid kabi	Ống	2,319
146	Kháng sinh	Metronidazol	Viên	250
147	Thuốc nhóm quinolon	Metronidazol Kabi	Chai	17,849
148	Kháng viêm steroid	Meve raz meloxicam 15mg/1.5ml s.c rompharm	Ống	26,514
149	THUỐC GÂY TÊ, MÊ	MIDAZOLAM- ZODAMID	Ống	132,300
150	Thuốc khác	Mifestad stella	Viên	126,000
151	Thuốc khác	Misa blue	Viên	223
152	Kháng sinh	Misoprostol Stella	Viên	5,775
153	Thuốc chống nôn	Motilium-M	Viên	2,439
154	Dung dịch vệ sinh mũi	Muối rửa mũi xoang seakit	Gói	1,877
155	17.3. Thuốc chống co thắt	Mybutin	Viên	3,360
156	Thuốc khác	Natri clorid 0.9% 100ml	Chai	11,025
157	TẢN DƯỢC	natri clorid 0.9% 500ml	Chai	8,820
158	17.2. Thuốc chống nôn	NAUSAZY 4mg	Ống	15,435
159	Rối loạn chức năng tiền đình, hoa mắt, chóng mặt	NENI 800mg	Viên	1,070
160	Thuốc đường tiêu hóa	Neopeptine F Drops	Chai	53,679
161	TẢN DƯỢC	Neuronstad	Viên	1,219
162	Tiêm truyền	Neutrivit 5000	Lọ	17,849
163	27. KHOÁNG CHẤT VÀ VITAMIN	Nhỏ mắt EyeLight Vita	Chai	25,358
164	Thuốc nhóm beta-lactam	NIFIN 100 KIDS	Gói	6,560
165	Kháng sinh	Nifin 200	Viên	9,371

166	Thuốc chống đau thắt ngực	Nitromint Xit 10g	Chai	137,025
167	thuốc khác	Noradrenalin	Ống	60,344
168	Không xác định	No-Spa (j) 40mg/2ml	Ống	6,145
169	Thuốc chống thoái hóa khớp	Nuflam	Viên	11,760
170	21.1. Thuốc điều trị bệnh mắt	Nước muối nhỏ mắt Ivis	Chai/lo	3,980
171	Không xác định	NƯỚC MUỐI SINH LÝ	Chai	9,625
172	15. THUỐC TÂY TRÙNG VÀ SÁT KHUẨN	Nước oxy già 10 thể tích (3%)	Chai	2,299
173	17. THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA	Ondanov 4 Tablet	Viên	5,587
174	TÂN DƯỢC	Oracortia	Gói	10,204
175	Thuốc khác,	Oresol 245	Gói	1,403
176	TÂN DƯỢC	Orgametril	Viên	2,625
177	Thuốc nhóm beta-lactam	Oxacillin IMP	Viên	7,718
178	2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT; CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP	Panadol extra	Viên	1,366
179	Ức chế bơm Proton -PPI	PANLOZ 40	Viên	6,300
180	Giảm đau, hạ sốt	PARAZACOL 1g/100ml	Chai	37,800
181	Thuốc hỗ trợ chức năng gan	Philiver	Viên	3,990
182	Thuốc tác động lên thần kinh	Piracetam 12g/60ml	Chai	68,250
183	Thuốc tác động lên thần kinh	PIRACETAM 3g/15ml	Ống	19,950
184	6.1. Thuốc trị giun, sán	PIZAR-6	Viên	52,500
185	Thuốc sát khuẩn, sát trùng	Povidine iod 10% 20ml	Chai	6,825
186	Kháng viêm steroid	Predni ODT (ngọt)	Viên	2,205
187	2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	Prednison	Viên	360
188	18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT	Proges 200	Viên	13,230
189	Dùng ngoài	Protoloc	Tuýp	54,094
190	Không xác định	Pruzena	Viên	3,701
191	6.4. Thuốc chống nấm	Raxnazole 100	Viên	16,800
192	Thuốc khác	Ringer lactat	Chai	8,820
193	18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT	Rosepire 3mg/0,03mg	Hộp	146,000
194	Thuốc hạ lipid máu	Rosutrox	Viên	15,855
195	Thuốc điều trị bệnh tiết niệu	Rowachol	Viên	3,539
196	Thuốc điều trị bệnh đường tiết niệu	Rowatinex	Viên	3,899
197	Thuốc giãn mạch	Rutin-Vitamin C	Viên	284
198	Thuốc điều trị viêm gan B	Savi Tenofovir	Viên	1,310
199	18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	Savxiga 10mg	Viên	3,906
200	Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính	Seretide 25/250	Chai	380,363
201	Thuốc đường tiêu hóa	Simacone	Viên	4,200
202	Thuốc chữa ho	Siro prospan 85ml	Chai	74,419
203	18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết	Sitavia 50	Viên	11,340
204	Thuốc điều trị táo bón	Sorbitol DHG	Gói	1,213
205	12. THUỐC TIM MẠCH	Spironolacton Tab 25mg	Viên	1,507
206	Thuốc tác dụng hệ thần kinh	Stilux- Rotundin 60	Viên	1,303
207	Thuốc tác động lên thần kinh	STUGERON	Viên	770
208	Thuốc chống rối loạn tâm thần	Sulpiride	Viên	772
209	16. THUỐC LỢI TIỂU	Takizd	Ống	1,181
210	12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp	Teginol 50	Viên	750
211	3. THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MẮN	Telfor 180	Viên	3,671

212	Thuốc chống vi rút khác	TENOFOVIR MCN 300	Viên	2,550
213	TÂN DƯỢC	Tetracyclin	Viên	847
214	6.4. Thuốc chống nấm	Thuốc rở miệng BINYSTA	Gói	1,175
215	Thuốc kháng sinh	TINIDAZOL 500	Viên	1,323
216	21.2. Thuốc tai- mũi- họng	Tobradex	Lọ	54,023
217	17. THUỐC ĐƯỜNG TIỂU HÓA	Tranfast	Gói	25,813
218	11. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU	Transamin	Viên	4,449
219	Thuốc khác	Transamin (J)	Ống	18,479
220	Thuốc tiêm truyền	Triclofem	Lọ	43,900
221	2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	TROSICAM	Viên	5,390
222	Không xác định	Tyrotab	Viên	358
223	Thuốc điều trị gút	Vaidilox 40	Viên	13,650
224	Dược mỹ phẩm	Vaseline Tuýp Bôi	Tuýp	18,900
225	Thuốc chống đau thắt ngực	VASTEC 35	Viên	1,434
226	Kháng viêm steroid	Vinsolon 40mg/lọ	Lọ	37,221
227	25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP	Vinterlin	Ống	1,575
228	26.2. Thuốc tiêm truyền	Vintrysine	Ống	13,671
229	18. HOCMON VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT	Visanne 2mg Bayer	Viên	45,349
230	Khoáng chất và vitamin	VITAMIN B1.B6.B12	Viên	1,268
231	Thuốc khác	Vitaplex injection 500ml	Chai	55,584
232	Thuốc chống đau thắt ngực	Vixcar 75mg	Viên	1,071
233	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	Voltarel gel	Tuýp	71,874
234	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid	Voltarel Tab	Viên	7,190
235	Tiêm truyền	Voltaren (j) 75mg/3ml	Ống	21,126
236	15. THUỐC TẮY TRÙNG VÀ SÁT KHUẨN	XANH METHYLEN 17ML	Lọ	4,725
237	12.6. Thuốc chống huyết khối	Xaravix 10	Viên	25,225
238	Dung dịch vệ sinh mũi	Xịt mũi Dr KUNE hồng	Chai	42,000
239	Thuốc tai-mũi-họng	xịt mũi Dr KUNE xanh	Chai	42,000
240	Thuốc nhóm macrolid	Zaromax 100	Gói	1,575
241	25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP	Zensalbu 2.5- Khí dung	Ống	4,210
242	25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP	Zensalbu Inhaler	Lọ	81,724
243	Không xác định	Zensalbu nebules 5.0	Ống	8,820
244	25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP	Zensonid- Khí dung	Ống	13,230
245	Thuốc tiêm truyền	ZENTANIL 500mg/5ml	Ống	11,025